

THÔNG BÁO

Về việc xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2019

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ - TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Khung trình độ quốc gia Việt Nam”;

Căn cứ Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/ 4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Trường Đại học Giao thông Vận tải tổ chức tuyển sinh nghiên cứu sinh (NCS) năm 2019 như sau:

1. Hình thức tuyển sinh và thời gian đào tạo:

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển thông qua Hồ sơ dự tuyển và Đề cương nghiên cứu sinh (*Danh mục và mã số ngành đào tạo phụ lục 1 kèm theo*).

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy, NCS phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận NCS. Trong trường hợp đặc biệt, NCS được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Chương III Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ ban hành kèm Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

2. Điều kiện dự tuyển:

2.1. Điều kiện bài báo, báo cáo:

Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành *có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.*

2.2. Điều kiện văn bằng:

2.2.1. Có bằng thạc sĩ ngành phù hợp hoặc ngành gần với ngành đăng ký dự tuyển hoặc có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển;

2.2.2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*quy định tại bảng tham chiếu phụ lục 2 kèm theo*) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh);

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

2.3. Đề cương về hướng nghiên cứu:

Trình bày về hướng nghiên cứu hoặc chủ đề nghiên cứu: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan; lý do tại sao chọn hướng nghiên cứu; mục tiêu, nhiệm vụ và kết quả nghiên cứu dự kiến; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của người dự tuyển trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu. Đề cương được trình bày tối đa 10 trang trên khổ A4, đóng bìa theo mẫu đính kèm (ứng viên ký và ghi họ tên vào trang cuối của đề cương).

2.4. Cán bộ hướng dẫn:

Mỗi NCS có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó có tối thiểu 01 giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐHGTVT đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định. Danh sách cán bộ khoa học đủ tiêu chuẩn hướng dẫn NCS và hướng nghiên cứu được công bố tại website:

<https://utc.edu.vn/tin-dao-tao/dao-tao-sau-dai-hoc/thong-bao/danh-sach-giang-vien-du-dieu-kien-huong-dan-ncs-nam-2019>

3. Hồ sơ và quy trình, thời gian xét tuyển:

3.1. Hồ sơ xét tuyển bao gồm:

- Phiếu dự tuyển (Phụ lục 3) ;
- Đơn xin dự tuyển (Phụ lục 4);
- Lý lịch khoa học của người dự tuyển (Phụ lục 5);
- Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ Ngoại ngữ;
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Đại học;
- Bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp và bảng điểm Thạc sĩ (nếu chưa có bằng thạc sĩ thì bằng và bảng điểm đại học hệ chính quy phải từ loại giỏi trở lên).
- Bài báo, báo cáo có phản biện quy định tại mục 2.1
- Đề cương nghiên cứu (theo yêu cầu quy định tại mục 2.3);
- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
- Giấy đồng ý hướng dẫn NCS của tối thiểu 01 giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của Trường ĐHGTVT đủ tiêu chuẩn hướng dẫn theo quy định;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Giấy khám sức khỏe của một bệnh viện đa khoa cấp quận huyện trở lên;
- Bốn (04) ảnh 3x4 (ghi ở mặt sau ảnh: họ tên thí sinh; ngày, tháng , năm sinh);
- Phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ;

(Hồ sơ dự tuyển theo mẫu của Nhà trường, không giải quyết các trường hợp hồ sơ thiếu).

Ứng viên nhận túi đựng hồ sơ khi đến nộp hồ sơ dự tuyển. Hồ sơ nộp tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo (Phòng 209 nhà A9), Trường Đại học Giao thông Vận tải (Số 03 - Phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội).

Điện thoại: 04.37606352 Website : <https://utc.edu.vn/>

3.2. Quy trình và thời gian xét tuyển:

a. Quy trình:

- Ứng viên đăng ký dự tuyển và nộp hồ sơ online cả năm theo đường link:

<https://utc.edu.vn/ngghien-cuu-sinh/>

- Sau khi được duyệt hồ sơ online ứng viên đến nộp hồ sơ trực tiếp (theo mục 3.1)

b. Thời gian xét tuyển:

- Xét tuyển và thông báo kết quả: dự kiến sau 2 tháng kể từ khi ứng viên nộp xong hồ sơ online.

3. Lệ phí xét tuyển:

- Lệ phí hồ sơ: 60.000đ/1hồ sơ;
- Lệ phí xét tuyển: 200.000đ/1hồ sơ.

Lưu ý:

- Phụ lục 1, phụ lục 2 đính kèm dưới Thông báo này;
- Phụ lục 3, phụ lục 4, phụ lục 5 ứng viên khai trong phần mềm;
- Bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài phải có CÔNG NHẬN của Cục Quản lý chất lượng giáo dục – Bộ GD và ĐT;
- Phiếu dự tuyển và Lý lịch khoa học của ứng viên có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương;
- Ứng viên nộp các văn bằng, chứng chỉ bản công chứng và mang bản chính đến để đối chiếu khi đến nộp hồ sơ.

Nơi nhận:

- Các Bộ, UBND tỉnh (TP);
- Các Sở GTVT; Các Viện NC về GTVT;
- BGH (để b/c);
- Phân hiệu trường ĐHGTVT tại Tp.HCM;
- Các khoa; Phòng ĐTDH; P.ĐTSĐH;
- Trang TT điện tử Trường ĐHGTVT;
- duatin@moet.edu.vn;
- Lưu P. HCTH, P.KTĐBCLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

PHU LUC 1:

**DANH MỤC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO CẤP IV TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2019
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

(Kèm theo Thông báo số **15** /TB-ĐHGTVT ngày **02** tháng **01** năm 2019 của trường ĐH GTVT)

Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ tiến sĩ			Chuyên ngành tuyển sinh	
TT	Tên gọi	Mã số	Tên chuyên ngành	
1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	9580205	1	Xây dựng đường ô tô và đường thành phố
			2	Xây dựng đường sắt
			3	Xây dựng cầu hầm
			4	Địa kỹ thuật xây dựng
2	Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt	9580206	1	Xây dựng công trình đặc biệt
3	Cơ kỹ thuật	9520101	1	Cơ học chất rắn
			2	Cơ học kỹ thuật
4	Kỹ thuật cơ khí động lực	9520116	1	Kỹ thuật máy và thiết bị xây dựng, nâng chuyển
			2	Khai thác, bảo trì thiết bị xây dựng, nâng chuyển
			3	Kỹ thuật ô tô - máy kéo
			4	Khai thác, bảo trì ô tô - máy kéo
			5	Kỹ thuật đầu máy xe lửa - toa xe
			6	Khai thác, bảo trì đầu máy xe lửa - toa xe
5	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	9520216	1	Tự động hóa
6	Kỹ thuật viễn thông	9520208	1	Kỹ thuật viễn thông
7	Quản lý xây dựng	9580302	1	Kinh tế xây dựng
8	Tổ chức và quản lý vận tải	9840103	1	Tổ chức và quản lý vận tải
			2	Khai thác vận tải

PHU LUC 2:

Bảng tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping-Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2